

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ - ST

Ngày 26 - 6 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Hương.

2. Bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn Tứ K, xã Bình D, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Đình C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn Lạc Tr xã Bình D, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ch trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Đình C vào ngày 04 tháng 3 năm 2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình D, huyện V. Sau khi kết hôn chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh C ngay được thời gian ngắn thì vợ chồng ở riêng, quá trình vợ chồng chung sống hòa

thuận thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn, kinh tế dẫn đến vợ chồng nợ nần nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau đến tháng 6/2017 vợ chồng phải sống ly thân từ đó đến nay hai bên không thăm hỏi gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 và Lê Kim Ng, sinh ngày 21/10/2015. Hiện nay các con đang ở với anh C và bố mẹ anh C từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong quá trình làm đơn xin ly hôn vợ chồng chị đã thống nhất và thỏa thuận khi ly hôn anh C tiếp tục nuôi dưỡng hai con Q và Ng đến khi trưởng thành. Nhưng đến nay giải quyết ly hôn anh C cố tình không đến Tòa án để giải quyết vậy chị đề nghị ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung là Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 và Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015 đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản riêng, đất canh tác, công sức chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Đình C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa được tòa án triệu tập và thông báo bằng văn bản nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Qua điều tra xác minh tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Đình C là bố đẻ anh C: Ông C cho biết: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị Ch trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị Ch là do vợ chồng anh chị vay mượn tiền để làm kinh tế nhưng không may làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau do vậy chị Ch về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Ch có đơn xin ly hôn anh C quan điểm của ông là đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ để nuôi dạy các con, còn nếu chị Ch cương quyết ly hôn thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, tài sản riêng, đất canh tác, công sức như chị Ch trình bày là đúng. Nếu anh chị ly hôn gia đình ông đề nghị để anh C tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là các cháu Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 và Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015.

Hiện nay anh C đi làm thợ xây nay đây mai đó thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình và các con, việc chị Ch có đơn xin ly hôn anh C đều biết và anh cũng đồng ý ly hôn với chị Ch và xin nuôi 02 con chung. Về việc giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện V, gia đình ông đều nhận được và có thông báo ngay cho anh C được biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ch và xử cho chị Trần Thị Ch được ly hôn anh Lê Đình C.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015. Giao cho anh Lê Đình C tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí, chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Ch khởi kiện anh C tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, chị Ch có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C. Bị đơn anh C có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Lạc Tr xã Bình D, huyện V thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Chị Chanh tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ch và anh C là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình D, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Ch là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm kinh tế dẫn nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau đến tháng 6/2017 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay vợ chồng và gia đình không giàn xếp gì. Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng trong

quá trình làm đơn xin ly hôn anh C và chị Ch đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và xin được thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Ch và anh C là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị Ch xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 và Lê Kim N, sinh ngày 21/01/2015. Hiện nay các con đang ở với anh C và bố mẹ anh C từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Mặc dù trong đơn xin ly hôn chị Ch và anh C có sự thỏa thuận với nhau về nuôi con chung với nhau ly hôn để anh C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 và Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015. Nhưng xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh C đều vắng mặt nhiều lần không có lý do và trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch yêu cầu được nuôi hai con đến khi trưởng thành. Nhưng xét thấy nguyện vọng của cháu Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 mong muốn được ở với bố. Do vậy cần giao chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015 và giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 đến khi con trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Ch phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ch: Xử chị Trần Thị Ch được ly hôn anh Lê Đình C.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Kim Ng, sinh ngày 21/01/2015. Giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thế Q sinh ngày 16/12/2011 đến khi con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị Ch và anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001942 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Ch đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình D;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành